TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2023/DS-ST
Ngày: 31-5-2023
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Ẩn.

2. Ông Vũ Huy Hoàng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa*: Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kiện đòi tài sản thụ lý số: 215/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 132/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kiều O, sinh năm 1989.

Địa chỉ: phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh - (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh - (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được – nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kiều O trình bày:

Năm 2016 (dương lịch) thông qua các mối quan hệ, bà có quen biết ông H. Sau đó khoảng đầu năm 2017, ông H nói với bà muốn đầu tư thì đưa tiền cho ông

H cùng mở quán cà phê, ngày 09/5/2017 (dương lịch), bà có đưa cho ông H số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), đưa 01 lần, đưa tại Ngân hàng Đông Á tại Quận 6, lúc đó bà đi rút tiền, có ông H đi theo để lấy tiền, khi đưa tiền cho ông H chỉ có bà và ông H, hai bên không có lập biên nhận. Ông H nói sẽ lấy số tiền này để đặt cọc sang nhượng quán cà phê quận Tân Phú, trước ngày đưa tiền cho ông H thì bà và ông H có đi xem quán cà phê để mở quán. Sau đó, bà có đến quán cà phê trước đây hai bên đi xem để hỏi thì được biết ông H không có đặt cọc để sang nhượng quán cà phê. Ông H nhận tiền xong thì không báo cho bà biết cũng như cắt đứt liên lạc với bà. Bà có nhiều lần liên hệ qua điện thoại, tin nhắn cũng như mạng xã hội để đòi ông H trả lại cho bà 150.000.000 đồng. Ông H có hứa trả tiền cho bà nhưng không trả, bà có gởi đơn lên Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B xin hòa giải và ngày 17/7/2020 được Ủy ban mời lên làm việc cũng như hòa giải các bên. Ông H đã xác nhận lấy của bà số tiền 150.000.000 đồng và hứa trả từng đợt mỗi tháng 5.000.000 đồng vào ngày 01 hàng tháng trong biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B.

Tuy nhiên, đến ngày 01/8/2020, bà lên chỗ ông H để lấy tiền thì ông H không những không trả mà còn thách thức bà muốn làm gì thì làm. Ông H đã coi thường pháp luật vi phạm thỏa thuận trong biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B và thách thức bà. Từ đó đến nay ông H vẫn chưa trả cho bà số tiền nào.

Khi đưa tiền cho ông H không thỏa thuận trả lãi, mục đích đưa tiền để làm ăn chung mở quán cà phê, khi hòa giải tại Ủy ban xã thì bà không có yêu cầu ông H trả lãi vì muốn sự việc cho xong để tạo điều kiện cho ông H trả nợ nên chỉ lấy phần gốc.

Chính vì lẽ trên, nên bà làm đơn khởi kiện ông Lê Văn H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giải quyết:

Buộc ông Lê Văn H trả đủ cho bà số tiền gốc là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, yêu cầu trả một lần cho bà.

Bà xin rút yêu cầu buộc ông H trả 48.750.000 (bốn mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền lãi.

Bị đơn ông Lê Văn H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Vì các lẽ trên,

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Huỳnh Thị Kiều O khởi kiện ông Lê Văn H tranh chấp về kiện đòi tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Lê Văn H mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1] Tòa án triệu tập bị đơn ông Lê Văn H đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp kiện đòi tài sản với bà Huỳnh Thị Kiều O nhưng ông H không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy, ông H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm chứng cứ để giải quyết vụ án.

[4.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền gốc, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.2.1] Căn cứ Biên bản hòa giải tranh chấp dân sự ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại Uỷ ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, ông H đã xác nhận lấy của bà O số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và hứa trả từng đợt mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu)đồng vào ngày 01 hàng tháng trong biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B. Trong quá trình thực hiện lời hứa như đã cam kết tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B thì đến ngày 01/8/2020 bà O lên chỗ ông H để lấy tiền thì ông H không trả mà còn thách thức bà O làm gì thì làm.

Nay đã quá thời hạn thanh toán nhưng ông Lê Văn H vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho bà O. Nay bà O yêu cầu ông H phải hoàn trả lại cho bà O tổng số tiền đã nhận là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Căn cứ khoản 2 Điều 164 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định biện pháp bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản như sau:

2. Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Căn cứ khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015, quy định quyền đòi lại tài sản như sau:

1. Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kiều O buộc bị đơn ông Lê Văn H phải trả cho bà Huỳnh Thị Kiều O số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kiều O được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với số tiền phải trả là 150.000.000 đồng, cách tính là 150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng, bị đơn ông Lê Văn H phải chịu là 7.500.000 đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 164 và Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kiều O về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản" đối với ông Lê Văn H;

Ông Lê Văn H có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Kiều O số tiền nợ gốc là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

2. Về án phí:

2.1. Ông Lê Văn H phải chịu 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị Kiều O số tiền tạm ứng án phí 4.968.750 (bốn triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi) đồng mà bà Huỳnh Thị Kiều O đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0040114 ngày 21/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Định